|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ THỌ** |  |
|  |  |
| Số: 407/KH-THPT | *Phú Thọ, ngày 25 tháng 9 năm 2023* |

**KẾ HOẠCH**

**Thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**

**trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm năm học 2023-2024**

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 1237/KH-PGDĐT ngày 21/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một Kế hoạch Khung thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thủ dầu Một;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Hướng dẫn số 01/HD-GDĐT-LĐTB&XH-BHXH ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn liên ngành về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 2235/SGDĐT-KHTC ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Công văn số 28/HKH ngày 30/7/2018 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương về thu hội phí khuyến học với mức thu 12.000 đồng/ 1 năm/ 1 hội viên; Công văn số 19/HKH ngày 21/02/2023 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương V/v: chấn chỉnh việc thu hội phí hội Khuyến học;

Căn cứ biên bản họp thống nhất trong Ban giám hiệu ngày 18/9/2023, Ban Liên tịch ngày 19/9/2023, Hội đồng sư phạm ngày 19/9/2023, Hội nghị Ban Đại diện CMHS trường lớp năm học 2022-2023 ngày 23/9/2023, Hội nghị Cha mẹ học sinh lớp và Hội nghị Cha mẹ học sinh toàn trường ngày 24/9/2023 về việc thống nhất các khoản thu – chi đầu năm học 2023 – 2024.

 Trường Tiểu học Phú Thọ, xây dựng kế hoạch thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Công khai đến cha mẹ học sinh, học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường về các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2023-2024.

Phối hợp với cha mẹ học sinh thực hiện thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2023-2024 đúng quy định.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện triển khai công tác thu - chi xác định rõ nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý các cấp về việc triển khai thu - chi của đơn vị.

**II. NGUYÊN TẮC CHUNG**

Trên cơ sở nội dung và mức thu theo quy định, nhà trường căn cứ tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của người học để xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế năm học, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Việc sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện, đồng thời thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Thời gian thu đảm bảo theo nguyên tắc số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành về Kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trừ các hoạt động được tổ chức trong thời gian hè.

**III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**A. THU HỘ – CHI HỘ** **(BẢO HIỂM Y TẾ)**

**1. Đối với lớp 1:**

- Học sinh lớp 1 chưa có thẻ BHYT: Đóng 15 tháng (thẻ BHYT có giá trị từ 01/10/2023 đến 31/12/2024). Thu làm 2 đợt:

 **+ Đợt 1:** Thu 3 tháng (thẻ có giá trị từ 01/10/2023 đến 31/12/2023): 170.100 đồng.

Thời gian thực hiện thu: Từ ngày ra thông báo đến ngày 10/9/2023, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

+ Tên tài khoản: **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ THỌ**

+ Số tài khoản: **6503496855**

+ Tên Ngân hàng: **BIDV BÌNH DƯƠNG**

***+***Nội dung chuyển khoản: **phải ghi rõ họ và tên học sinh, tên lớp**

VD: LE VAN LONG, lop 1.2, bhyt dot 1

(Những PH không thực hiện chuyển khoản thì đóng trực tiếp tại văn phòng – bộ phận tài chính).

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **01/01/2017** đến ngày **01/10/2017**: thu 3 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/12/2023) ): **170.100** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **02/10/2017** đến ngày **01/11/2017** : thu 2 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/11/2023 đến ngày 31/12/2023) **: 113.400** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ ngày **02/11/2017** đến ngày **01/12/2017**: thu 1 tháng (hạn thẻ từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023) **: 56.700** đồng.

+ Học sinh có ngày sinh từ **02/12/2017 đến 31/12/2017** thì không nộp tiền vào đợt này.

+ **Học sinh lưu ban đã tham gia bảo hiểm y tế năm 2023: Không thu.**

+ **Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên chính sách đã được nhà nước cấp thẻ BHYT như: con bộ đội, công an, hộ nghèo, …: không thu (nộp thẻ BHYT đối tượng khác photo cho GVCN).**

**+ Đợt 2:** Thu 12 tháng (thẻ có giá trị từ 01/01/2024 đến 31/12/2024): 680.400đ.

 Thời gian thực hiện thu: Từ 01/11/2023 -> 30/11/2023.

**2. Đối với lớp 2, 3, 4, 5:**

- Thu 12 tháng (thẻ có giá trị từ 01/01/2024 đến 31/12/2024): 680.400đ.

- Thời gian thực hiện thu: Từ 01/11/2023 -> 30/11/2023.

**\* Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu** **là bệnh viện ở tuyến huyện tương đương nhau như: Trung tâm y tế Thủ Dầu Một, Bệnh viện Vạn Phúc, Medic, Bạch Đằng – sau lưng Nhà thờ ngã 6,... thẻ BHYT HS khám chỗ nào cũng được, cho nên trường chọn tên đại diện 1 cơ sở ở tuyến huyện cho HS (nếu PH không đăng ký nơi khám). Không được đăng ký tuyến tỉnh (Bệnh viện đa khoa tỉnh - 512 giường và Bệnh viện phục hồi chức năng) để tránh quá tải cho tuyến trên.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối | Khối 1 | Khối 2 | Khối 3 | Khối 4 | Khối 5 |
| Số tiền/đồng/3 tháng | 170.100 |  |  |  |  |
| Số tiền/đồng/12 tháng | 680.400 | 680.400 | 680.400 | 680.400 | 680.400 |

- Số tiền thu Bảo hiểm y tế học sinh là: 56.700 đồng/1 học sinh/tháng.

+ Đợt 1 (thực hiện thu trong tháng 9/2023): Thu Bảo hiểm y tế học sinh lớp 1 (từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023) là: 56.700 đồng/1 học sinh/tháng x 3 tháng = 170.100 đồng/1 học sinh/3 tháng năm 2023.

+ Đợt 2 (thực hiện thu trong tháng 12/2023): Thu Bảo hiểm y tế học sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5 từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024) là: 56.700 đồng/1 học sinh/tháng x 12 tháng = 680.400 đồng/1 học sinh/12 tháng năm 2024.

\* **Nội dung chi:** **Thu đủ bù chi:** Thu bao nhiêu chi bấy nhiêu

- Đợt 1 (hạn thẻ từ 01/10/2023 đến 31/12/2023): Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 15/9/2023.

 - Đợt 2 (hạn thẻ từ 01/01/2024 đến 31/12/2024): Chi nộp 100% số tiền thu về cơ quan BHXH tỉnh Bình Dương trước ngày 15/12/2023.

**B. KẾ HOẠCH THU, CHI THỎA THUẬN PHỤC VỤ LẠI CHO HỌC SINH:**

**1. TIỀN VỆ SINH TRƯỜNG LỚP:**

- Mức thu: 11.000 đồng/HS/tháng.

- Hình thức thu: thu theo từng tháng.

- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

+ Tên tài khoản: **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ THỌ**

+ Số tài khoản: **6503496855**

+ Tên Ngân hàng: **BIDV BÌNH DƯƠNG**

***+***Nội dung chuyển khoản: **phải ghi rõ họ và tên học sinh, tên lớp**

VD: LE VAN LONG, lop 1.2, ve sinh thang 9

- Tổng số học sinh toàn trường: 1.592.

+ Miễn khoản thu theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: 8 học sinh (Phạm Thúy Kiều – lớp 1/1 – bị khuyết tật; Dương Bảo Ngọc – lớp 1/4 - hộ nghèo; Phạm Minh Hùng – lớp 1/7 – *trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ* - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Ngô Minh Thư – lớp 2/3 – hộ nghèo; Nguyễn Minh Đức – lớp 2/5 – khuyết tật; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 2/6 – bị khuyết tật; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 2/7 – khuyết tật; Đặng Thanh Xuân – lớp 5/6 - hộ nghèo) (Trần Đình Thọ – lớp 2/3 - bị khuyết tật: không ăn bán trú).

+ Giảm 50% khoản thu đối với học sinh: thuộc hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: 1 học sinh (Đỗ Duy An – lớp 4/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Dự kiến thất thu: 20.

+ Tổng số học sinh phải thu 100%: 1.564.

+ Tổng số học sinh phải thu 50%: 1.

- Dự trù kinh phí tổng thu: **17.198.500 đồng**; cụ thể:

11.000 đồng/học sinh/tháng x 1.563 học sinh = 17.193.000 đồng.

5.500 đồng/học sinh/tháng x 1 học sinh = 5.500 đồng.

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

**\* KẾ HOẠCH CHI:**

- **Thu theo thỏa thuận: Tất cả các khoản thu thỏa thuận thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.**

- Nội dung chi: Chi 100% chi trả tiền hợp đồng 4 nhân viên vệ sinh trường lớp.

- Thuê nhân viên phục vụ vệ sinh: (VS lớp học, cầu thang, hành lang, cửa, nhà vệ sinh,...; Sĩ số bình quân/trường: 400 học sinh/1 người)

- Tổng số học sinh toàn trường: 1.592.

- Tổng số nhân viên vệ sinh trường lớp:

1592 học sinh : 400 học sinh = 3,98 người. Làm tròn: 4 người.

- Số tiến cần chi cho 4 nhân viên vệ sinh trường lớp:

+ Số tiến cần chi cho 1 nhân viên vệ sinh trường lớp cơ sở Dốc Chùa: 4.180.000 đồng/ tháng.

+ Số tiến cần chi cho 3 nhân viên vệ sinh trường lớp cơ sở chính: Số tiền còn lại **của mỗi tháng** chia đều cho 3:

17.198.500đồng - 4.180.000 đồng = 13.018.500 đồng : 3 người = 4.339.500 đồng/người/tháng (ước chi).

 \* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

 - Trong tháng 02 và tháng 5/2024:

 + Chi trả lương hỗ trợ thêm cho đủ tháng cho các nhân viên vệ sinh: trả nguyên lương do tháng tết người lao động được hưởng nguyên lương trong số ngày nghỉ theo Luật Lao động và trong thời gian học sinh được nghỉ học sớm hơn thì người lao động vẫn phải tham gia công tác dọn dẹp vệ sinh, kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ,...

**2. TIỀN 2 BUỔI/NGÀY (BUỔI 2):**

**Tiền học buổi chiều lớp 1, 2, 3, 4, 5:** Thu thỏa thuận, thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.

Thực hiện thu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương Nghị quyết quy định các khoản thu và mức thu các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

 - Thu 4.000đ/1 học sinh/1 tiết. Căn cứ vào số tiết thực học buổi chiều của học sinh của từng khối lớp làm cơ sở để thu tiền học buổi chiều.

 - Số tiết thực học buổi chiều của học sinh, sau khi trừ các tiết học ở giờ chính khóa của học sinh lớp 1, 2, 3, 4, 5 trong 1 tuần.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4** |  |  |
| **STT** | **Khối** | **Tuần học** | **Số tiết theo CT GDPT 2018** | **Số tiết thực dạy** | **Số tiết ngoài Chương trình GDPT 2018** |
| **1** | **MỘT** | Tuần 1-9 | 25 tiết (trong đó 4 tiết bộ môn) | 7 tiết/ng x 5 ngày | = 35 - 25 = 10 tiết |
|  |  | Tuần 10- 35 | 27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn) | 7 tiết/ng x 5 ngày | = 35 - 27 = 08 tiết |
| **2** | **HAI** | Tuần 1-35 | 27 tiết (trong đó 6 tiết bộ môn) | 7 tiết/ng x 5 ngày | = 35 - 27 = 08 tiết |
| **3** | **BA** | Tuần 1-35 | 28 tiết (trong đó 9 tiết BM) | 7 tiết/ng x 5 ngày | = 35 - 28 = 07 tiết |
| **4** | **BỐN** | Tuần 1-35 | 30 tiết (trong đó 10 tiết bộ môn) | 8 tiết/ng x 5 ngày | = 40 - 30 = 10 tiết |
|  |  |  |  |  |
| **Chương trình GDPT năm 2006 đối với lớp 5** |  |  |
| **STT** | **Khối** | **Tuần học** | **Số tiết theo CT GDPT 2006** | **Số tiết thực dạy** | **Số tiết ngoài Chương trình GDPT 2006** |
| **1** | **NĂM** | Tuần 1-35 | 30 tiết (trong đó 8 tiết bộ môn) | 8 tiết/ng x 5 ngày | = 40 - 30 = 10 tiết |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Tuần** | **Số tiết ngoài CT GDPT 2018** | **Mức thu 1 tuần /HS** **(đ)** | **Số tuần** | **Tổng thu****(9tháng/****năm học) (đ)** | **Bình quân/tháng****(đ)** | **Học KNS thu phí (đ)** | **Tổng thu** |
| 1 | Tuần 1 - 9 | 10 | 40.000 | 9 | 360.000 | 132.444đLàm tròn: 132.000đ | **0** | **132.000đ** |
|  | Tuần 10 - 35 | 8 | 32.000 | 26 | 832.000 |
| 2 | Tuần 1 - 35 | 8 | 32.000 | 35 | 1.120.000 | 124.444đLàm tròn: 124.000đ | **0** | **124.000đ** |
| 3 | Tuần 1 - 35 |  7 | 28.000 | 35 | 980.000 | 108.888đLàm tròn: 109.000đ | **0** | **109.000đ** |
| 4 | Tuần 1 - 35 |  10 | 40.000 | 35 | 1.400.000 | 155.555đLàm tròn: 156.000đ | **0** | **156.000đ** |
| 5 | Tuần 1 - 35 |  10 | 40.000 | 35 | 1.400.000 | 155.555đLàm tròn: 156.000đ | **0** | **156.000đ** |

\* **Tổng hợp:**

- Số tiền thu học buổi chiều bình quân 1 tháng:

|  |
| --- |
|  **Học sinh không đăng kí học KNS** |
| + Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 3: 109.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng. |

**- Tổng số học sinh từ khối 1 đến khối 5: 1.592/778 nữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + Tổng số lớp : | 38 lớp, trong đó: |  |
| + Học sinh Khối 1: | 8 lớp:  | 358 học sinh |
| + Học sinh khối 2: | 8 lớp: | 327 học sinh |
| + Học sinh khối 3: | 7 lớp: | 303 học sinh |
| + Học sinh khối 4: | 8 lớp: | 327 học sinh |
| + Học sinh khối 5: | 7 lớp: | 277 học sinh |

- Miễn khoản thu theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: 8 học sinh (Phạm Thúy Kiều – lớp 1/1 – bị khuyết tật; Dương Bảo Ngọc – lớp 1/4 - hộ nghèo; Phạm Minh Hùng – lớp 1/7 – *trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ* - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Ngô Minh Thư – lớp 2/3 – hộ nghèo; Nguyễn Minh Đức – lớp 2/5 – khuyết tật; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 2/6 – bị khuyết tật; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 2/7 – khuyết tật; Đặng Thanh Xuân – lớp 5/6 - hộ nghèo) (Trần Đình Thọ – lớp 2/3 - bị khuyết tật: không ăn bán trú).

+ Giảm 50% khoản thu đối với học sinh: thuộc hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: 1 học sinh (Đỗ Duy An – lớp 4/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Dự kiến thất thu: 20.

- Tổng số học sinh 2 buổi/ ngày phải thu: 1.564.

- Dự trù (ước thu) kinh phí tổng thu từ tháng 9/2023: **211.221.000 đồng**. Cụ thể như sau:

+ Lớp 1: 132.000 đồng/học sinh/tháng x 351 học sinh = 46.332.000 đồng.

+ Lớp 2: 124.000 đồng/học sinh/tháng x 319 học sinh = 39.556.000 đồng.

+ Lớp 3: 109.000 đồng/học sinh/tháng x 299 học sinh = 32.591.000 đồng.

+ Lớp 4: 156.000 đồng/học sinh/tháng x 322 học sinh = 50.232.000 đồng.

 78.000 đồng/học sinh/tháng x 1 học sinh = 78.000 đồng.

 Lớp 4: 50.310.000 đồng

+ Lớp 5: 156.000 đồng/học sinh/tháng x 272 học sinh = 42.432.000 đồng.

**\* Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

- Thời gian: Từ 05/9/2023 đến 24/5/2024.

- Hình thức thu: thu theo tháng.

- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

+ Tên tài khoản: **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ THỌ**

+ Số tài khoản: **6503496855**

+ Tên Ngân hàng: **BIDV BÌNH DƯƠNG**

***+***Nội dung chuyển khoản: **phải ghi rõ họ và tên học sinh, tên lớp**

VD: LE VAN LONG, lop 1.2, 2 buoi thang 9

- Chi: Thu bao nhiêu, chi bấy nhiêu theo tỷ lệ:

 **\* Phương án xây dựng định mức chi:**

 - Số giáo viên tham gia dạy lớp học 2 buổi/ngày: 38 giáo viên, cụ thể:

 + Lớp 1: 8 giáo viên.

 + Lớp 2: 8 giáo viên.

 + Lớp 3: 7 giáo viên.

 + Lớp 4: 8 giáo viên.

 + Lớp 5: 7 giáo viên.

 - **Ước chi:**

+ Chi trả tiền thêm giờ cho giáo viên dạy học buổi 2: Giáo viên dạy lớp buổi chiều (buổi 2): 80% trên tổng số học sinh thu của khối của mỗi tháng. (211.221.000 đồng x 80% = 168.976.800 đồng : 38 GV (chia theo khối).

+ Còn lại 20% trên tổng số thu của mỗi tháng ước chi cho các hoạt động: 211.221.000 đồng x 20% = 42.244.200 đồng.

 Bao gồm:

+ Chi 10% trên tổng số thu của mỗi tháng: Hỗ trợ công tác quản lý dạy học 2 buổi/ngày (đối tượng hưởng gồm: 3 Ban giám hiệu, Thủ quỹ, kế toán), 3 bảo vệ, 2 phục vụ; tỉ lệ từng người hưởng: = 211.221.000 đồng x 10% = 21.122.100 đồng (Hiệu trưởng 2%, PHT 3,6% (2 người, mỗi người 1.8%), KT 1,8%, TQ 1,4%, PV: 0,6% (2 người, mỗi người 0,3%), BV 0,6% (3 người, mỗi người 0,2%)

 + Chi 10% trên tổng số thu mỗi tháng: Tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ (sửa chữa bàn ghế, đèn, quạt, điện, nước, laphong,... phòng học và nhà vệ sinh, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy vi tính phòng Tin học, sửa chữa - thay thế các thiết bị máy chiếu, tivi phòng học và phòng chức năng,...); hỗ trợ chi phí điện, nước; vệ sinh, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2 = 211.221.000 đồng x 10% = 21.122.100 đồng. **Trong đó**, chi thuê người phục vụ vệ sinh (1 người, sử dụng hợp đồng thời vụ với người lao động để thực hiện dọn vệ sinh trường lớp , nhà vệ sinh của học sinh) = khoảng 4.339.500 đồng/người/tháng x 1 người = khoảng 4.339.500 đồng; và 1 phần khoảng 4.339.500 đồng chia đều cho 4 nhân viên vệ sinh trường lớp tại cơ sở chính (như vậy mỗi nhân viên vệ sinh trường lớp hợp đồng thuê ngoài sẽ được hỗ trợ thêm khoảng 1.084.875 đồng). Số tiền còn lại (12.443.100 đồng) chi hoạt động tu sửa CSVC; hỗ trợ chi phí điện, nước, vệ sinh phí, phục vụ trực tiếp công tác dạy buổi thứ 2).

**\* Ghi chú:** Tùy theo tình hình sĩ số học sinh hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

 \* **Kết luận:** Mức thu 1 tháng:

|  |
| --- |
|  **Học sinh không đăng kí học KNS** |
| + Lớp 1: 132.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 2: 124.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 3: 109.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 4: 156.000đ/1HS/1 tháng.+ Lớp 5: 156.000đ/1HS/1 tháng. |

- Thời gian: Từ 05/9/2023 đến 24/5/2024.

- Trong tháng 02 và tháng 5/2024:

 + Thu tiền buổi 2: Thu – chi theo ngày thực học.

**3. TIỀN BÁN TRÚ:**

**3.1. Tiền mua thực phẩm để nấu ăn (đối với HS bán trú):**

- Mức thu: 32.000 đồng/HS/ngày.

- Hình thức thu: thu theo từng tháng.

- Thời gian thực hiện thu: từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

-Tên đơn vị/ công ty cung cấp thực phẩm chính cho trường: Công ty Cổ phần thực phẩm Fresco và tên đơn vị/ công ty cung cấp thực phẩm ăn xế cho trường: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Minh, Công ty TNHH TM-TP Hoàng Ngọc, Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thực phẩm Tân Thiên Ân (Công văn số 892/PGDĐT ngày 29/7/2019 V/v Thông báo danh sách các đơn vị đáp ứng đủ điều kiện về năng lực, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm năm học 2019-2020; Kế hoạch số 1043/KH-SGDĐT ngày 07/6/2019 Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục, đơn vị trường học trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2022; Công văn số 1419/PGDĐT-TCCB ngày 19/8/2022 Về việc thông báo bổ sung danh sách các cơ sở, đơn vị công ty cung cấp thực phẩm đáp ứng đủ điều kiện về năng lực đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinht hực phẩm năm học 2022-2023.).

- Tiền mua thực phẩm cho HS tham gia bán trú: 32.000đ/ngày/hs x số ngày trong tháng (tùy mỗi tháng).

**3.2. Tiền phục vụ bán trú (đối với HS bán trú, không bao gồm tiền ăn của học sinh, có tổ chức nấu ăn):**

- Mức thu: 145.000 đồng/HS/tháng.

- Hình thức thu: thu theo từng tháng.

- Thời gian thực hiện thu: Từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, phụ huynh chuyển khoản vào tài khoản của trường.

+ Tên tài khoản: **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ THỌ**

+ Số tài khoản: **6503496855**

+ Tên Ngân hàng: **BIDV BÌNH DƯƠNG**

***+***Nội dung chuyển khoản: **phải ghi rõ họ và tên học sinh, tên lớp**

VD: LE VAN LONG, lop 1.2, ban tru thang 9

- Tổng số học sinh bán trú: 1.258.

+ Miễn khoản thu theo quy định đối với học sinh: thuộc đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; thuộc hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; bị khuyết tật; là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: 8 học sinh (Phạm Thúy Kiều – lớp 1/1 – bị khuyết tật; Dương Bảo Ngọc – lớp 1/4 - hộ nghèo; Phạm Minh Hùng – lớp 1/7 – *trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ* - thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Ngô Minh Thư – lớp 2/3 – hộ nghèo; Nguyễn Minh Đức – lớp 2/5 – khuyết tật; Huỳnh Ngô Chí Bảo – lớp 2/6 – bị khuyết tật; Nguyễn Hoài Bảo Nam – lớp 2/7 – khuyết tật; Đặng Thanh Xuân – lớp 5/6 - hộ nghèo) (Trần Đình Thọ – lớp 2/3 - bị khuyết tật: không ăn bán trú).

+ Giảm 50% khoản thu đối với học sinh: thuộc hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh; con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên: 1 học sinh (Đỗ Duy An – lớp 4/8 – có sổ hộ cận nghèo: không ăn bán trú).

+ Tổng số học sinh bán trú phải thu: 1.250.

- Dự trù kinh phí tổng thu:

145.000 đồng/học sinh/tháng x 1.250 học sinh = 181.250.000 đồng.

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền thu cho phù hợp.

**\* KẾ HOẠCH CHI:**

- **Thu theo thỏa thuận: Tất cả các khoản thu thỏa thuận thực hiện đúng nguyên tắc thu đủ bù chi.**

**1. Tiền ăn (đối với HS bán trú):**

+ Mức thu: 32.000 đồng/HS/ngày.

+ Hình thức thu: *thu theo từng tháng.*

+ Thời gian thực hiện thu: *từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng.*

+ Nội dung chi: Chi 100% chi trả tiền thức ăn của học sinh 2 bữa ăn trưa và ăn xế cho các công ty: Công ty Cổ phần thực phẩm Fresco, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Minh, Công ty TNHH TM-TP Hoàng Ngọc, Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thực phẩm Tân Thiên Ân.

**2. Nội dung chi phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh, cấp tiểu học, có tổ chức nấu ăn)**

**2.1. Hợp đồng cấp dưỡng (1 CD phục vụ 100 HS)**

- Tổng số học sinh bán trú: 1.258.

- Tổng số cấp dưỡng: Số lượng cấp dưỡng = (Số HS bán trú : 100 HS bán trú) bao gồm cả bếp trưởng, bếp phó nếu có = 1.258 : 100 = 12,58. Làm tròn: 12 cấp dưỡng.

- Tổng số tiền chi cho cấp dưỡng:

5.250.000 đồng/cấp dưỡng/tháng x 12 cấp dưỡng = **63.000.000 đồng. (1)**

Trong đó:

Bếp trưởng:

7.000.000 đồng/người/tháng x 1 người = 7.000.000 đồng/ tháng.

Bếp phó:

6.000.000 đồng/người/tháng (trên 1000 HS có 2 bếp phó nếu cần thiết):

6.000.000 đồng/người/tháng x 1 người = 6.000.000 đồng/ tháng.

Cấp dưỡng:

5.000.000 đồng/người/tháng x 10 người = 50.000.000 đồng/ tháng.

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

**2. 2. Tiền bán trú và giữ trẻ ngoài giờ (thời gian trông trẻ từ 10h/ 10h30/11h00 đến 14h): 6.072.000 đồng/3 lớp/100 học sinh => 2.024.000 đồng/1 lớp/ 33,33 học sinh.**

- Tổng số học sinh bán trú: 1.258.

- Tổng số bảo mẫu:

1.258 học sinh : 33,33 học sinh/lớp (1 người/lớp/tối thiểu 33,33 HS) = 37,74. Làm tròn: 37 bảo mẫu.

- Tổng số tiền chi cho bảo mẫu:

2.024.000 đồng/người/tháng x 37 người = **74.888.000 đồng/ tháng. (2)**

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

**2.3. Chi cho công tác quản lý, bảo vệ, phục vụ, y tế:**

- Dự trù kinh phí tổng thu: 181.250.000 đồng.

- Chi cho công tác quản lý: 12.240.000 đồng.

**2.3.1. BGH trực tiếp phụ trách bán trú:**

1,5 lần LTTC = 1,5 x 1.800.000 đồng = 2.700.000 đồng.

1 người x 2.700.000 đồng/tháng = 2.700.000 đồng/ tháng.

**2.3.2. BGH còn lại: (phải có tham gia công tác bán trú): 1 lần LTTC = 1.800.000đ.**

2 người x 1.800.000 đồng/người/tháng = 3.600.000 đồng/ tháng.

**2.3.3. Kế toán: 0,7 lần LTTC (hỗ trợ + 0,2 lần LTTC cho Kế toán đối với các trường có từ 1.000 HS bán trú trở lên) = (0,7 x 1.800.000đ) + (0,2 x 1.800.000đ) = 1.260.000đ + 360.000đ = 1.620.000đ**

1 người x 1.620.000 đồng/người/tháng = 1.620.000 đồng/ tháng.

**2.3.4. Thủ quỹ: 0,7 lần LTTC = 0,7 x 1.800.000 đồng = 1.260.000 đồng**

1 người x 1.260.000 đồng/người/tháng = 1.260.000đ/ tháng.

**2.3.5. Y tế: 0,5 lần LTTC = 0,5 x 1.800.000 đồng = 900.000 đồng**

1 người x 900.000 đồng/người /tháng = 900.000 đồng/ tháng.

**2.3.6. Bảo vệ: (hưởng lương NSNN theo bảng lương): 0,3 lần LTTC = 0,3 x 1.800.000 đồng = 540.000 đồng.**

2 người x 540.000 đồng/người/tháng = 1.080.000 đồng/ tháng.

**2.3.7. Phục vụ: (hưởng lương NSNN theo bảng lương): 0,3 lần LTTC = 0,3 x 1.800.000 đồng = 540.000 đồng.**

2 người x 540.000 đồng/người/tháng = 1.080.000 đồng/ tháng.

**=> TỔNG CHI QUẢN LÝ: 12.240.000Đ (3)**

\* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

**4. Phụ thu: điện, nước sinh hoạt, chất đốt, bổ sung dụng cụ để phục vụ cho công tác bán trú:**

**(4) = Tổng thu – ((1) + (2) + (3)) = 31.122.000 đồng. Chi cụ thể những nội dung như sau:**

-  **Chất đốt (Tiền gas), sửa chữa, bảo trì ga,** **điện, nước sinh hoạt, bổ sung dụng cụ để phục vụ cho công tác bán trú - vệ sinh phí (lau sàn, chổi, rửa chén, màng bọc thực phẩm,… nhà bếp)**: Quyết toán theo thực tế hàng tháng (thu đủ bù chi).

 \* **Ghi chú:** Tùy theo tình hình học sinh tham gia bán trú hàng tháng, nhà trường sẽ cân đối số tiền chi cho phù hợp.

\* **Kết luận:**

- **Tiền mua thực phẩm cho HS tham gia bán trú: 32.000đ/ngày/hs x số ngày trong tháng (tùy mỗi tháng).**

- **Tiền phục vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn của học sinh, cấp tiểu học, có tổ chức nấu ăn): 145.000 đồng/HS/tháng.**

 - Trong tháng 02 và tháng 5/2024:

 + Thu tiền mua thực phẩm cho học sinh: Thu – chi theo ngày thực học.

 + Chi trả lương hỗ trợ thêm cho đủ tháng cho các đối tượng tham gia quản lý bán trú (BGH, kế toán, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, bảo mẫu, phục vụ) và cho nhân viên cấp dưỡng (bao gồm bếp trưởng, bếp phó, cấp dưỡng): trả nguyên lương do tháng tết người lao động được hưởng nguyên lương trong số ngày nghỉ theo Luật Lao động và trong thời gian học sinh được nghỉ học sớm hơn thì người lao động vẫn phải tham gia công tác dọn dẹp vệ sinh, kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ,...

**4. HỌC BƠI: (TỰ NGUYỆN, KHÔNG BẮT BUỘC)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí (đ)** |
| 1 | Học phí (Khóa học: **14 buổi**) | 800.000 |
| 2 | Xe đưa rước (14 buổi) | 250.000 |
| 3 | Quần bơi nam | 60.000 |
| 4 | Quần áo bơi nữ | 80.000 |
| 5 | Kính bơi | 70.000 |
| **Tổng cộng:** |

**4.1. Thời gian tổ chức học bơi**

 Đối với học sinh khối 1, 2, 3, 4, 5:

+ Đợt 1: Học 2 buổi/ 1 tuần, từ 16h25 đến 17h35 vào thứ 4, 6 hàng tuần, bắt đầu từ 06/11/2023 đến 22/12/2023.

+ Đợt 2: Học 2 buổi/ 1 tuần, từ 16h25 đến 17h35 vào thứ 4, 6 hàng tuần, bắt đầu từ 04/3/2023 đến 19/4/2023.

**4.2. Địa điểm học bơi**

 Tại hồ bơi Thế Cường - phường Phú Lợi - thành phố Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương; hồ bơi đạt tiêu chuẩn quy định của y tế dự phòng.

 **4.3. Kinh phí học bơi (Tự nguyện, không bắt buộc)**

 Học sinh đăng ký học và đóng học phí theo khóa (14 buổi). Số tiền 1 khóa học cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí (đ)** |
| 1 | Học phí (Khóa học: **14 buổi**) | 800.000 |
| 2 | Xe đưa rước (14 buổi) | 300.000 |
| 3 | Quần bơi nam | 60.000 |
| 4 | Quần áo bơi nữ | 80.000 |
| 5 | Kính bơi | 70.000 |

- Mức thu:

+ Nam: 1.230.000 đồng/HS/khóa bơi (trong đó: Học phí: 800.000đ; xe: 250.000đ; quần: 60.000 đ; kính: 70.000đ).

 + Nữ: 1.250.000 đồng (trong đó: Học phí: 800.000đ; xe: 250.000đ; quần áo: 80.000đ; kính: 70.000đ).

- Hình thức thu: thu 1 lần/ khóa.

- Thời gian thực hiện:

+ Đợt 1: Tháng 11, 12/2023.

+ Đợt 2: Tháng 3, 4/2024.

- Thời gian thực hiện thu: Khi có thông báo; Phụ huynh đóng tiền mặt cho hồ bơi Thế Cường:

+ Đợt 1: Tháng 11/2023.

+ Đợt 2: Tháng 3/2024.

\* Nội dung chi: Chi 100% chi trả tiền học bơi, xe đưa rước và trang phục bơi (nếu có) phục vụ cho học sinh, nộp cho hồ bơi Thế Cường - phường Phú Lợi - thành phố Thủ Dầu Một - tỉnh Bình Dương.

 **C. THU KHÁC: THU – CHI QUỸ HỘI KHUYẾN HỌC:** Thực hiện theo Công văn số 28/HKH ngày 30/7/2018 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương về thu hội phí khuyến học với mức thu 12.000 đồng/ 1 năm/ 1 hội viên; Thực hiện theo Công văn số 19/HKH ngày 21/02/2023 của Hội Khuyến học tỉnh Bình Dương V/v: chấn chỉnh việc thu hội phí hội Khuyến học:

- Mỗi cha hoặc mẹ học sinh là Hội viên Hội Khuyến học, cần lập danh sách cha hoặc mẹ học sinh theo từng lớp tự nguyện tham gia Hội Khuyến học có chữ ký đồng ý là hội viên. Trên cơ sở danh sách này, chi hội tổ chức phát thẻ và thu hội phí 12.000 đồng/ 1 hội viên/ 1 năm. Nếu trong một trường cha hoặc mẹ có nhiều người con cùng học thì chỉ thu 1 lần và người này không phải đóng hội phí cho Hội khuyến học ở địa phương.

- Số tiền thu được từ Hội phí, Chi hội được giữ lại chi theo định hướng của Hội Khuyến học Tỉnh:

+ 70% dành cho khuyến học, khuyến tài;

+ 30% chi cho Văn phòng phẩm, nước uống các cuộc họp.

- Mức thu: 12.000đ/ 1 hội viên/ 1 năm (Tùy thuộc vào số lượng cha hoặc mẹ học sinh tự nguyện tham gia hội viên).

(Dự kiến tổng thu: 1.500 hội viên x 12.000 đồng/ 1 hội viên/ 1 năm = 18.000.000 đồng).

- Hình thức thu: *thu 1 lần/ năm.*

- Thời gian thực hiện thu: Sau Đại hội CHMS lần 3.

**\* Thu đủ bù chi:** Thu bao nhiêu chi bấy nhiêu

- Chi 100% cho công tác khuyến học, khuyến tài trong năm (Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên trong học tập, sau kết quả học kỳ I và cuối năm; Giáo viên có thành tích trong công tác khuyến học, khuyến tài).

\* => **Tiền Hội phí Hội viên Hội Khuyến học (đối với HS lớp 1, 2, 3, 4, 5):** Phụ huynh nộp tiền mặt cho GVCN và ký tên vào danh sách tự nguyện đăng ký thành viên Hội khuyến học

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng**

- Quán triệt và phổ biến đầy đủ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thu - chi của cấp có thẩm quyền tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nhà trường; niêm yết công khai các văn bản chỉ đạo.

- Xây dựng kế hoạch thu - chi cho từng nội dung thu đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục,... làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể để đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, phù hợp với tình hình thực tế trong nhà trường năm học 2023 - 2024 gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một phê duyệt.

- Tổ chức họp Ban Giám hiệu, họp Liên tịch, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường, giáo viên chủ nhiệm để lấy ý kiến đóng góp và thống nhất về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường năm học 2023 - 2024.

- Chỉ đạo nhà trường nghiêm túc thực hiện chế độ công khai thu chi tài chính (nội dung, hình thức và thời điểm công khai) theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (cụ thể thực hiện việc công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ); chịu trách nhiệm giải trình trước người học và xã hội về các mức thu của đơn vị.

- Cùng các thành viên trong nhà trường thực hiện giám sát công tác thu - chi đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước các cấp về nội dung thu chi của nhà trường.

**2. Trách nhiệm của Kế toán**

- Phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền đầy đủ, kịp thời, đúng quy định khi thu tiền người học; theo dõi, ghi chép sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015, Luật Kế toán ngày 20/11/2015 và các văn bản quy định chế độ tài chính, kế toán hiện hành để thực hiện đúng nguyên tắc thu - chi theo đúng quy định.

- Lập hồ sơ thu - chi, kế hoạch dự toán thu - chi, thực hiện quản lý thu - chi của nhà trường năm học 2023 - 2024 đúng quy định.

- Thông báo các khoản thu - chi đã được duyệt tới cha mẹ học sinh. Thực hiện thu theo đúng quy định và kế hoạch.

- Thực hiện công khai thu - chi tài chính theo đúng các văn bản chỉ đạo.

- Triển khai thực hiện thanh toán các khoản thu theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Công văn số 517/SGD ĐT-KHTC ngày 10/3/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương về việc đôn đốc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu dịch vụ giáo dục.

**3. Trách nhiệm của Thủ quỹ**

- Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo hướng dẫn công tác thu - chi các cấp triển khai.

- Thực hiện đúng nhiệm vụ được giao về công tác thu tiền của cha mẹ học sinh theo quy định.

**4. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm**

- Nghiên cứu kĩ và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác thu - chi tới cha mẹ học sinh của lớp. Lấy ý kiến thỏa thuận của cha mẹ học sinh lớp về nội dung các khoản thu - chi trong nhà trường. Tổng hợp ý kiến của cha mẹ học sinh lớp báo về Ban Giám hiệu.

- Thông báo rõ các khoản thu - chi theo quy định đã được phê duyệt tới cha mẹ học sinh.

- Không thu các khoản thu không có trong quy định. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các khoản thu của lớp trong năm học 2023 - 2024.

**5. Trách nhiệm của cha mẹ học sinh**

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu - chi.

- Cha mẹ học sinh thống nhất thoả thuận các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường,...; thực hiện đóng các khoản thu đã được phê duyệt theo đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm năm học 2023 - 2024. Nhà trường yêu cầu 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nghiêm túc thực hiện triển khai công tác thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường, các khoản thu – chi đầu năm năm 2023 - 2024 đúng quy định./.

***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

- PGDĐT TPTDM;

- HĐSP;

- CMHS; - Website nhà trường;- Lưu: HT, KT.

 **Nguyễn Thị Thanh Tâm**

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………